



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 109 /2026/VBHN-TT-BCT

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2026

**THÔNG TƯ**

**Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - môi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp**

Thông tư số 31/2024/TT-BCT ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - môi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 45/2026/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành các sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vật liệu nổ công nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

2. Quyết định số 2312/QĐ-BCT ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Bộ Công Thương đính chính Thông tư số 44/2026/TT-BCT ngày 27 tháng 8 năm 2026, Thông tư số 45/2026/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2026 và Thông tư số 46/2026/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 20 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm,*



hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - môi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.<sup>1</sup>

### **Điều 1. Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - môi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.

Ký hiệu: QCVN 12-24:2024/BCT.

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành<sup>2</sup>**

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và thay thế Thông tư số 20/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

<sup>1</sup> Thông tư số 45/2026/TT-BCT có căn cứ ban hành và được đính chính tại khoản 20 Điều 1 Quyết định số 2312/QĐ-BCT ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Bộ Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2026 như sau:

“Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư ban hành các Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vật liệu nổ công nghiệp.”.

<sup>2</sup> Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 45/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026 quy định như sau:

**“Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

2. 36 Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Điều 1 của Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”.



Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng các Cục: Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Hóa chất; Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**QCVN 12 - 24:2024/BCT<sup>3</sup>**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA  
VỀ AN TOÀN SẢN PHẨM VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP  
- MÒI NỔ DÙNG CHO THUỐC NỔ CÔNG NGHIỆP**

***National technical regulation on safety of industrial explosive  
materials - Primer for industrial explosives***

**HÀ NỘI - 2024**

---

<sup>3</sup> QCVN 12-24:2024/BCT được sửa đổi theo quy định tại Sửa đổi 01:2026 QCVN 12-24:2024/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.



## LỜI NÓI ĐẦU<sup>4</sup>

QCVN 12 - 24:2024/BCT do Tổ soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - môi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp biên soạn, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành theo Thông tư số 31/2024/TT-BCT ngày 25 tháng 12 năm 2024.

Quy chuẩn này thay thế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp số QCVN 08:2015/BCT.

---

<sup>4</sup> Sửa đổi 01:2026 QCVN 12-24:2024/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026 có lời nói đầu như sau:

***“LỜI NÓI ĐẦU***

*Sửa đổi 01:2026 QCVN 12 - 24:2024/BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định của QCVN 12 - 24:2024/BCT.*

*Sửa đổi 01:2026 QCVN 12 - 24:2024/BCT do Tổ soạn thảo Sửa đổi các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vật liệu nổ công nghiệp biên soạn, Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành theo Thông tư số 45/2026/TT-BCT ngày 28 tháng 8 năm 2026.”*

10

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN SẢN PHẨM VẬT LIỆU NỔ  
CÔNG NGHIỆP - MỎI NỔ DÙNG CHO THUỐC NỔ CÔNG NGHIỆP**

***National technical regulation on safety of industrial explosive materials -  
Primer for industrial explosives***

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chuẩn kỹ thuật này quy định chỉ tiêu kỹ thuật, phương pháp thử và quy định quản lý đối với mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp có mã HS 3602.00.00.

**2. Đối tượng áp dụng**

Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan tới mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chuẩn kỹ thuật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

3.1. Mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp: Là lượng thuốc nổ trung gian tạo xung kích nổ do kíp, dây nổ kích nổ trực tiếp có tác dụng kích nổ khối thuốc nổ hoặc tăng cường xung kích nổ ban đầu để kích nổ khối thuốc nổ có độ nhạy kém.

3.2. Độ nhạy kích nổ: Là ngưỡng để mìn nổ có thể phát nổ khi bị kích thích bằng sóng xung kích được tạo ra từ các phương tiện gây nổ (kíp nổ, dây nổ) hoặc va đập hoặc ma sát hoặc ngọn lửa.

**II. QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT**

**4. Tài liệu viện dẫn**

Các tài liệu viện dẫn trong Quy chuẩn kỹ thuật này được áp dụng phiên bản được nêu ở dưới đây.

QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ.

QCVN 12-25:2024/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp - kíp nổ điện số 8.

TCVN 6421:1998 - Vật liệu nổ công nghiệp - Xác định khả năng sinh công bằng cách đo độ nén trụ chèn.

TCVN 6424:1998 - Vật liệu nổ công nghiệp - Xác định khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật.

**5. Chỉ tiêu kỹ thuật**

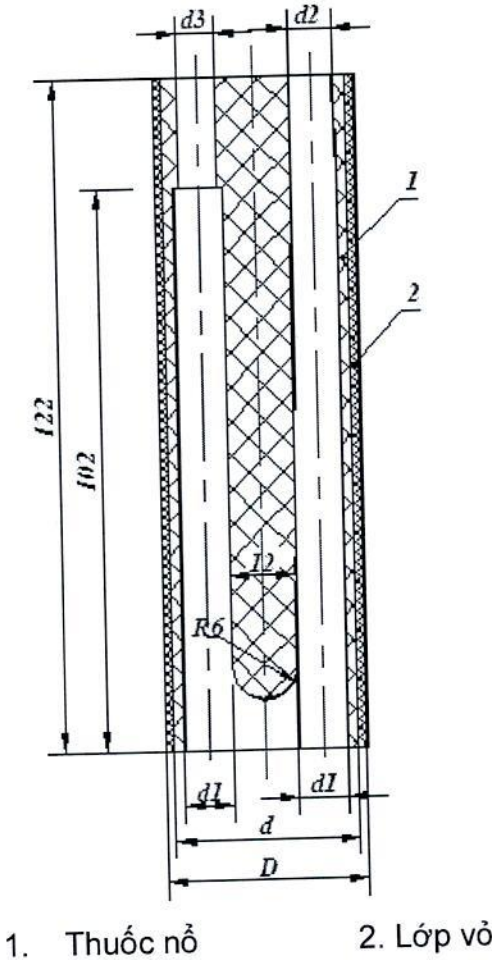
**5.1. Kích thước hình học**

Kích thước kỹ thuật của mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp được quy định tại Bảng 1 và Hình 1.



**Bảng 1 - Kích thước hình học danh nghĩa của mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp**

| Tên chỉ tiêu                                        | Đơn vị tính | Chỉ tiêu   |            |
|-----------------------------------------------------|-------------|------------|------------|
|                                                     |             | Loại 175 g | Loại 400 g |
| <b>1. Thỏi mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp</b> |             |            |            |
| 1.1. Đường kính (không kể lớp vỏ)                   | mm          | 34         | 50         |
| 1.2. Đường kính (kể cả lớp vỏ), D                   | mm          | 37         | 54         |
| 1.3. Chiều dài                                      | mm          | 122        | 122        |
| <b>2. Lỗ tra kíp nổ, dây nổ</b>                     |             |            |            |
| 2.1. Đường kính lỗ, d1                              | mm          | 9,0        | 9,0        |
| 2.2. Đường kính lỗ, d2                              | mm          | 8,0        | 8,0        |
| 2.3. Đường kính lỗ, d3                              | mm          | 6,0        | 6,0        |



**Hình 1 - Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp**

**Chú thích:** Kích thước hình học danh nghĩa, khối lượng của mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp cho phép thay đổi theo đặt hàng.

5.2. Chỉ tiêu kỹ thuật



Chỉ tiêu kỹ thuật của mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp được quy định tại Bảng 2.

**Bảng 2 - Chỉ tiêu kỹ thuật của mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp**

| Tên chỉ tiêu                                                             | Đơn vị tính       | Chỉ tiêu            |
|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|
| 1. Khối lượng riêng                                                      | g/cm <sup>3</sup> | Không nhỏ hơn 1,55  |
| 2. Khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật (so sánh với TNT tiêu chuẩn) | %                 | Không nhỏ hơn 120   |
| 3. Tốc độ nổ                                                             | m/s               | Không nhỏ hơn 7 200 |
| 4. Độ nén trụ chì                                                        | mm                | Không nhỏ hơn 20    |
| 5. Độ nhạy kích nổ                                                       |                   | Kíp nổ số 8         |
| 6. Thời gian chịu nước (ngâm sâu 1 m nước)                               | h                 | 48                  |

## 6. Bao gói

Thỏi mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp được bọc ngoài bằng ống giấy hoặc ống nhựa và được bảo quản trong hộp carton hoặc thay đổi theo đặt hàng.

## 7. Phương pháp thử

### 7.1. Xác định khối lượng riêng

#### 7.1.1. Nguyên tắc

Cân thủy tĩnh thỏi mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp trong nước rồi tính ra khối lượng riêng.

#### 7.1.2. Vật tư, thiết bị, dụng cụ

##### 7.1.2.1. Mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.

##### 7.1.2.2. Cân kỹ thuật, sai số 0,01 g.

##### 7.1.2.3. Ống đong 250 ml, có chia vạch đến 2 ml.

##### 7.1.2.4. Nhiệt kế thủy ngân từ 0 °C đến 50 °C, sai số 1 °C.

##### 7.1.2.5. Dao, kéo.

7.1.2.6. Nước để phân tích dùng trong phòng thí nghiệm theo quy định tại TCVN 4851:1989.

#### 7.1.3. Cách tiến hành

Bóc hết vỏ ngoài của thỏi mìn nổ, cân mẫu khô, ghi trọng lượng (A). Cho gá vào trong cân, đặt cốc nước vào trong gá. Buộc mẫu vào dây rồi cho mẫu vào trong cốc nước. Treo mẫu lên gá (sao cho toàn bộ mẫu ngập trong nước, tránh đồ gá, mẫu va chạm vào quang cân và thành cốc). Dùng xi lanh bơm hết bọt khí bám xung quanh mẫu. Ghi trọng lượng mẫu cân (B). Nhấc mẫu sản phẩm ra ngoài rồi cân trọng lượng dây trong nước (C), bỏ đồ gá và cốc nước ra ngoài, cắm nhiệt kế vào cốc nước để khoảng 5 min đến 10 min đọc nhiệt độ trong nước để tra bảng tính trị số K.

**CHÚ THÍCH:** Cho phép tách thỏi mìn nổ từng thành phần nhỏ để kiểm tra.

100

## 7.1.4. Tính kết quả

Khối lượng riêng của thỏi mỗi nổ tính theo công thức:

$$\rho = \frac{\rho_b \times m}{m - (m_1 - m_2)} \quad (1)$$

Trong đó:

$\rho$  : Khối lượng riêng của mỗi nổ, g/cm<sup>3</sup>.

$\rho_b$ : Khối lượng riêng của nước cất ở nhiệt độ thử nghiệm, g/cm<sup>3</sup>.

$m$ : Khối lượng mỗi nổ, g.

$m_1$ : Khối lượng bát không chứa mỗi nổ đặt trong nước, g.

$m_2$  là khối lượng bát chứa mỗi nổ được đặt trong nước, g.

## 7.1.5. Đánh giá kết quả

Mẫu thử đạt yêu cầu về khối lượng riêng khi đáp ứng quy định nêu tại Điều 5 của Quy chuẩn kỹ thuật này.

## 7.2. Xác định khả năng sinh công bằng con lắc xạ thuật

Thực hiện theo TCVN 6424:1998.

## 7.3. Xác định tốc độ nổ

## 7.3.1. Nguyên tắc

Dùng máy đo thời gian xác định thời gian sóng truyền nổ qua một chiều dài nhất định trên thỏi thuốc từ đó xác định tốc độ nổ.

## 7.3.2. Vật tư, thiết bị, dụng cụ

7.3.2.1. Mỗi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.

7.3.2.2. Máy đo tốc độ nổ và dây quang đồng bộ.

7.3.2.3. Kíp nổ điện số 8 theo quy định tại QCVN 12-25:2024/BCT.

7.3.2.4. Máy nổ mìn chuyên dụng hoặc nguồn điện một chiều từ 6 V đến 12 V.

7.3.2.5. Thước vạch chuẩn, có chia vạch đến 1 mm.

7.3.2.6. Dao, kéo.

7.3.2.7. Thước cặp có dải đo từ 0 mm đến 300 mm, sai số 0,02 mm.

7.3.2.8. Hàm nổ hoặc bãi thử nổ.

## 7.3.3. Cách tiến hành

7.3.3.1. Dùng dao inox vệ sinh sạch phần sáp ở hai đầu mỗi thỏi mỗi nổ, ghép các thỏi mỗi với nhau để chiều dài không nhỏ hơn 320mm, dùng giấy Kraft hoặc ống nhựa để cố định các thỏi mỗi nổ. Khi ghép không được để vị trí lỗ tra kíp của các thỏi thuốc trùng nhau. Bề mặt của các thỏi thuốc phải tiếp xúc nhau hoàn toàn.

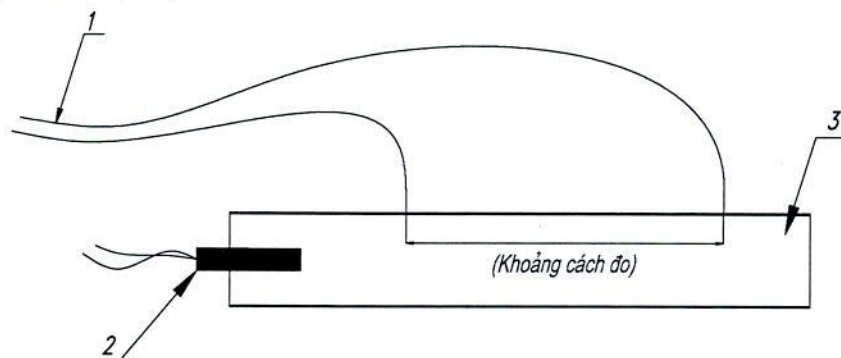
7.3.3.2. Rải cát để tạo mặt phẳng, đặt mẫu lên đó; kẻ 1 đường thẳng dọc thân mẫu, đánh dấu 2 điểm trên đường thẳng đáy để làm vị trí tra dây quang sao cho khoảng cách từ đáy lỗ tra kíp đến vị trí dây quang gần nhất phải không nhỏ hơn 03 lần đường kính thỏi mỗi nổ và khoảng cách giữa 02 dây quang không nhỏ hơn 80 mm, dây quang thứ hai cách đầu còn lại của thỏi mỗi nổ không nhỏ hơn 50 mm.

10

Tra dây quang, kíp vào lỗ trên mẫu đã chuẩn bị sao cho ngập hết hai phần ba kíp trong lỗ tạo ra trên thỏi mồi nổ.

7.3.3.3. Kết nối hai đầu dây quang vào máy đo tốc độ nổ, kết nối 2 đầu dây của kíp với bộ điểm hỏa (đang ở chế độ an toàn); cài đặt các thông số vào máy đo tốc độ nổ, để ở chế độ sẵn sàng (sẵn sàng ghi lại các dữ liệu của quá trình nổ).

Chuẩn bị mẫu và cách đấu dây với mẫu mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp được thể hiện tại Hình 2.



1. Dây quang    2. Kíp nổ điện số 8    3. Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp

**Hình 2 - Sơ đồ chuẩn bị mẫu và cách đấu dây với mẫu mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp**

7.3.3.4. Tiến hành kích nổ mẫu thuốc nổ, máy đo sẽ bắt đầu thu nhận thông tin về tốc độ nổ và kết quả đo hiển thị trên màn hình hoặc được phân tích trên máy tính bằng phần mềm đi kèm máy.

#### 7.3.4. Tính kết quả

Thí nghiệm được tiến hành tối thiểu 03 lần, sai số giữa các kết quả đo không được lớn hơn  $\pm 200$  m/s. Kết quả là giá trị trung bình của các phép thử, làm tròn đến số nguyên.

#### 7.3.5. Đánh giá kết quả

Mẫu thử đạt yêu cầu về tốc độ nổ khi đáp ứng quy định nêu tại Điều 5 của Quy chuẩn kỹ thuật này.

#### 7.4. Xác định độ nén trụ chì

Thực hiện theo TCVN 6421:1998.

#### 7.5. Xác định độ nhạy kích nổ

##### 7.5.1. Nguyên tắc

Sử dụng phụ kiện kích nổ theo yêu cầu để kích nổ mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.

##### 7.5.2. Vật tư, thiết bị, dụng cụ

7.5.2.1. Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.

7.5.2.2. Kíp nổ điện số 8 theo quy định tại QCVN 12-25:2024/BCT.

7.5.2.3. Dây nổ chịu nước 12 g/m, dài 500 mm theo quy định tại QCVN 04:2015/BCT.

7.5.2.4. Tấm chì dài 400 mm, rộng 200 mm, dày 10 mm.

7.5.2.5. Máy nổ mìn chuyên dụng hoặc nguồn điện một chiều từ 6 V đến 12 V.



7.5.2.6. Dụng cụ tạo lỗ đường kính 2 mm và 7,5 mm.

7.5.2.7. Hàm nổ hoặc bãi thử nổ.

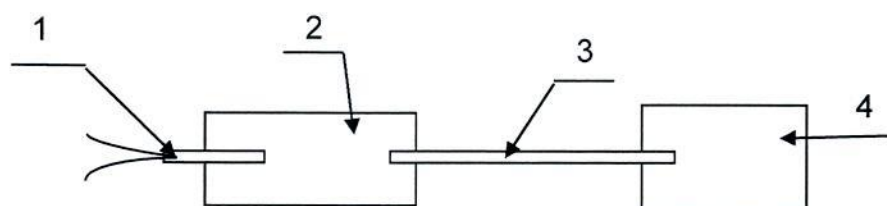
7.5.3. Cách tiến hành

7.5.3.1. Lấy ngẫu nhiên 03 mẫu thuốc trong lô hàng cần kiểm tra độ nhạy kích nổ, đảm bảo khối lượng riêng nằm trong khoảng quy định tại Điều 5 của Quy chuẩn kỹ thuật này.

7.5.3.2. Đặt mẫu mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp đã chuẩn bị trên mặt cát bằng phẳng. Tra kíp nổ điện số 8 vào thỏi mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp và đưa 2 cm đến 3 cm đoạn dây nổ vào lỗ ở phía đối diện với phía tra kíp, cố định dây nổ trên tấm chì bằng băng dính sao cho khoảng cách từ đáy của thỏi mồi nổ đến đầu tấm chì không nhỏ hơn 300 mm.

7.5.3.3. Đầu hai đầu dây dẫn của kíp điện vào đường dây điện khởi nổ chính và tiến hành kích nổ bằng máy nổ mìn. Tiến hành khởi nổ.

Xác định độ nhạy kích nổ được thể hiện theo Hình 3.



1. Kíp nổ điện số 8    2. Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp

3. Dây nổ    4. Tấm chì

**Hình 3 - Sơ đồ xác định độ nhạy kích nổ**

7.5.5. Đánh giá kết quả

Yêu cầu toàn bộ các mẫu đem thử phải nổ hết (trên tấm chì có vết của dây nổ) thì kết luận loại mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp đó có độ nhạy kích nổ theo quy định.

7.6. Xác định thời gian chịu nước

7.6.1. Nguyên tắc

Ngâm mẫu cần kiểm tra khả năng chịu nước trong bể nước (hoặc ngâm trong bình chịu áp lực) trong một thời gian nhất định. Tiến hành thử nổ mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp sau khi ngâm nước. Yêu cầu toàn bộ các mẫu đem thử phải nổ hết thì kết luận mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp có khả năng chịu nước theo quy định.

7.6.2. Vật tư, thiết bị, dụng cụ

7.6.2.1. Mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp.

7.6.2.2. Bể nước có mực nước sâu không nhỏ hơn 1,0 m.

7.6.2.3. Máy nổ mìn chuyên dụng hoặc nguồn điện một chiều từ 6 V đến 12 V.

7.6.2.4. Muôi múc, cân, các dụng cụ cần thiết khác.

7.6.2.5. Dụng cụ tạo lỗ đường kính 2 mm và 7,5 mm.

7.6.2.6. Kíp nổ điện số 8 theo quy định tại QCVN 12-25:2024/BCT.



7.6.2.7. Dây nổ chịu nước loại 12 g/m, dài 500 mm theo quy định tại QCVN 04:2015/BCT.

7.6.2.8. Tấm chì có kích thước 400 mm x 200 mm x 10 mm.

7.6.2.9. Hàm nổ hoặc bãi thử nổ.

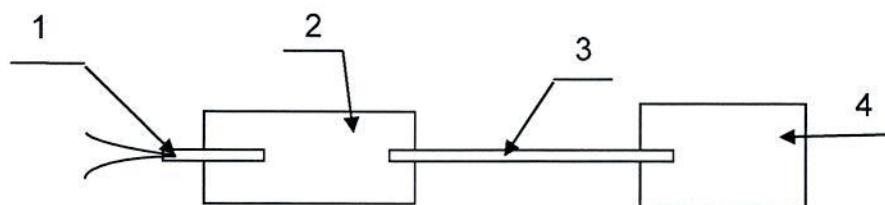
7.6.3. Cách tiến hành

7.6.3.1. Ngâm mẫu mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp trong nước sâu 1,0 m trong thời gian 48 h.

7.6.3.2. Tra kíp vào lỗ trên quả mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp và đưa 2 cm đến 3 cm đoạn dây nổ vào lỗ ở phía đối diện với phía tra kíp, cố định dây nổ trên tấm chì bằng băng dính sao cho khoảng cách từ đáy của thỏi mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp đến đầu tấm chì không nhỏ hơn 300 mm.

7.6.3.3. Đấu hai đầu dây dẫn của kíp điện vào đường dây điện khởi nổ chính và tiến hành kích nổ bằng máy nổ mìn. Tiến hành khởi nổ.

Xác định khả năng chịu nước được thể hiện tại Hình 4.



- |                     |                                         |
|---------------------|-----------------------------------------|
| 1. Kíp nổ điện số 8 | 2. Mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp |
| 3. Dây nổ           | 4. Tấm chì                              |

**Hình 4 - Sơ đồ xác định khả năng chịu nước**

7.6.4. Đánh giá kết quả

Yêu cầu toàn bộ các mẫu đem thử phải nổ hết (trên tấm chì có vết của dây nổ) thì kết luận loại mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp đó có khả năng chịu nước theo quy định.

7.7. Quy định về an toàn trong thử nghiệm

Phải tuân thủ quy định về an toàn trong bảo quản, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Quy chuẩn số QCVN 01:2019/BCT trong quá trình thử nghiệm và tiêu hủy mẫu không đạt yêu cầu.

7.8. Quy định về sử dụng phương tiện đo

Phương tiện đo phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường. Trong toàn bộ thời gian quy định của chu kỳ kiểm định, đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo phải được duy trì trong suốt quá trình sử dụng.

### III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

#### 8. Quy định về quản lý<sup>5</sup>

Mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp phải công bố hợp quy phù hợp quy định kỹ thuật tại Điều 5 của Quy chuẩn kỹ thuật này, gắn dấu hợp quy (dấu CR) và

<sup>5</sup> Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục III của Sửa đổi 01:2026 QCVN 12-24:2024/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.



ghi nhãn hàng hóa trước khi lưu thông trên thị trường. Việc ghi nhãn mỗi nỗ dùng cho thuốc nỗ công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây viết tắt là Nghị định số 37/2026/NĐ-CP). Việc kiểm tra chất lượng mỗi nỗ dùng cho thuốc nỗ công nghiệp lưu thông trên thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP.

## **9. Công bố hợp quy<sup>6</sup>**

9.1. Việc công bố hợp quy sản phẩm mỗi nỗ dùng cho thuốc nỗ công nghiệp sản xuất trong nước được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Nghị định số 37/2026/NĐ-CP. Việc công bố hợp quy sản phẩm mỗi nỗ dùng cho thuốc nỗ công nghiệp nhập khẩu được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Luật số 78/2025/QH15.

### **9.2. Chứng nhận hợp quy**

Chứng nhận hợp quy đối với mỗi nỗ dùng cho thuốc nỗ công nghiệp sản xuất trong nước, nhập khẩu thực hiện theo phương thức 5 “Chứng nhận thông qua thử nghiệm mẫu đại diện cho kiểu, loại sản phẩm, hàng hóa và đánh giá quá trình sản xuất hoặc hệ thống quản lý. Giám sát thông qua thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất hoặc hệ thống quản lý. Mẫu thử nghiệm trong giám sát có thể lấy tại nơi sản xuất hoặc lấy trên thị trường hoặc được lấy cả tại nơi sản xuất và trên thị trường” hoặc phương thức 7 “Chứng nhận thông qua thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (sau đây viết tắt là Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN).

## **10. Sử dụng dấu hợp quy<sup>7</sup>**

Dấu hợp quy và sử dụng dấu hợp quy phải tuân thủ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN.

### **10a. Tần suất giám sát<sup>8</sup>**

Đối với trường hợp chứng nhận hợp quy thực hiện theo phương thức 5, trong thời gian hiệu lực của chứng nhận về sự phù hợp, mỗi nỗ dùng cho thuốc nỗ công nghiệp phải được tiến hành hoạt động đánh giá giám sát thông qua thử nghiệm mẫu và đánh giá quá trình sản xuất hoặc hệ thống quản lý. Mẫu thử nghiệm trong giám sát có thể lấy tại nơi sản xuất hoặc lấy trên thị trường hoặc được lấy tại nơi

<sup>6</sup> Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục III của Sửa đổi 01:2026 QCVN 12-24:2024/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

<sup>7</sup> Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục III của Sửa đổi 01:2026 QCVN 12-24:2024/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

<sup>8</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại Mục III của Sửa đổi 01:2026 QCVN 12-24:2024/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.



sản xuất và trên thị trường. Thời điểm đánh giá giám sát không vượt quá 12 tháng/1 lần tính từ thời điểm bắt đầu hiệu lực của giấy chứng nhận; thời điểm đánh giá giám sát lần tiếp theo không vượt quá 24 tháng/1 lần tính từ thời điểm ngày kết thúc đánh giá giám sát trước.

#### IV. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

##### 11. Trách nhiệm của tổ chức sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu môi nỗ dùng cho thuốc nỗ công nghiệp<sup>9</sup>

11.1. Tổ chức sản xuất, kinh doanh môi nỗ dùng cho thuốc nỗ công nghiệp phải tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và đảm bảo chất lượng phù hợp với quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

11.2. Tổ chức sản xuất, nhập khẩu môi nỗ dùng cho thuốc nỗ công nghiệp phải đăng ký bản công bố hợp quy theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

##### 12. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước<sup>10</sup>

12.1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này.

12.2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm vật liệu nỗ công nghiệp tại địa phương có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của tổ chức, cá nhân đăng ký công bố hợp quy theo quy định tại các Điều 11, 12, 13 và 14 Thông tư số 14/2026/TT-BKHCN, kiểm tra, đôn đốc về thực hiện các thủ tục công bố hợp quy theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này và kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng môi nỗ dùng cho thuốc nỗ công nghiệp của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

#### V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

##### 13. Hiệu lực thi hành

13.1. Quy chuẩn kỹ thuật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

13.2. Trong quá trình thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật này, trường hợp tổ chức, cá nhân có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết.

13.2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn viện dẫn tại Quy chuẩn kỹ thuật này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế

<sup>9</sup> Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục IV của Sửa đổi 01:2026 QCVN 12-24:2024/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.

<sup>10</sup> Điều này được sửa đổi theo quy định tại Mục IV của Sửa đổi 01:2026 QCVN 12-24:2024/BCT ban hành kèm theo Thông tư số 45/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026.



thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới ban hành.

#### 14. Điều khoản chuyển tiếp

Sản phẩm mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp được công bố hợp quy trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mồi nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp số QCVN 08:2015/BCT được tiếp tục sử dụng theo thời hạn sử dụng đã công bố./.

### **BỘ CÔNG THƯƠNG**

### **XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế (để đăng CSDLQG về PL);
- Báo Công Thương (đăng Website BCT);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, ATMT.



**\* Trương Thanh Hoài**

